



KPMG'S COPY

**Công ty TNHH Một Thành viên
Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động số**

06/GP-NHNN

ngày 22 tháng 5 năm 2007

Giấy phép Thành lập và Hoạt động được cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và có thời hạn là 50 năm kể từ ngày cấp.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số**

4104001359/GP-UB

ngày 16 tháng 7 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0305142496/GP-UB ngày 27 tháng 5 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Thanh Toại
Ông Trần Văn Tâm
Ông Nguyễn Huy Phú
Ông Nguyễn Lê Nam
Ông Ngô Tấn Long

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Văn Tâm
Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Mai Tòng Bá
Bà Ngô Thị Kim Hồng
Bà Đặng Tường Vy

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Người Đại diện pháp luật

Ông Trần Văn Tâm

Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
Số 444A - 446 Cách Mạng Tháng Tám
Phường 11, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty,



Trần Văn Tâm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 2 năm 2024



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Nhà đầu tư Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 2 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo Kiểm toán số: 23-01-00820-24-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 2 năm 2024

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
 Ngân hàng Á Châu
 Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
 Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B02/TCTD
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

| | Thuyết minh | 31/12/2023 Triệu VND | 31/12/2022 Triệu VND |
|------------|--|-------------------------|-------------------------|
| A | TÀI SẢN | | |
| II | Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 105 | - |
| III | Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác | 31.408 | 22.991 |
| 1 | Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác | 4 31.408 | 22.991 |
| VI | Các khoản phải thu từ cho thuê tài chính | 1.714.862 | 1.482.724 |
| 1 | Các khoản phải thu từ cho thuê tài chính | 5 1.750.717 | 1.504.987 |
| 2 | Dự phòng rủi ro cho các khoản phải thu từ cho thuê tài chính | 6 (35.855) | (22.263) |
| X | Tài sản cố định | 3.855 | 1.428 |
| 1 | Tài sản cố định hữu hình | 7 3.783 | 1.428 |
| a | Nguyên giá | 4.093 | 2.309 |
| b | Giá trị hao mòn lũy kế | (310) | (881) |
| 2 | Tài sản cố định vô hình | 72 | - |
| a | Nguyên giá | 80 | - |
| b | Giá trị hao mòn lũy kế | (8) | - |
| XII | Tài sản Có khác | 8 | 15.148 |
| 1 | Các khoản phải thu | 9.318 | 5.363 |
| 2 | Các khoản lãi và phí phải thu | 6.801 | 6.264 |
| 4 | Tài sản Có khác | 2.447 | 3.521 |
| | TỔNG TÀI SẢN | 1.768.796 | 1.522.291 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

514
 CÔP
 CH NH
 ỘT T
 Ộ TH
 NG
 Á
 53-

0011
 CHI
 ÔNG
 K
 V/H PH

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
 Ngân hàng Á Châu
 Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
 Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

| | Thuyết minh | 31/12/2023 Triệu VND | 31/12/2022 Triệu VND |
|-------------|--|-------------------------|-------------------------|
| B | NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | |
| | NỢ PHẢI TRẢ | | |
| II | Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác | 945.400 | 745.400 |
| 2 | Vay các tổ chức tín dụng khác | 945.400 | 745.400 |
| III | Tiền gửi của khách hàng | 10 | 152.021 |
| VII | Các khoản nợ khác | 11 | 67.841 |
| 1 | Các khoản lãi, phí phải trả | 5.675 | 5.166 |
| 3 | Các khoản phải trả và công nợ khác | 9.339 | 62.675 |
| | TỔNG NỢ PHẢI TRẢ | 1.151.779 | 965.262 |
| | VỐN CHỦ SỞ HỮU | | |
| VIII | Vốn và các quỹ | 13 | 557.029 |
| 1 | Vốn góp | 500.000 | 500.000 |
| a | Vốn điều lệ | 500.000 | 500.000 |
| 2 | Các quỹ của tổ chức tín dụng | 66.027 | 57.029 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 50.990 | - |
| | TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU | 617.017 | 557.029 |
| | TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | 1.768.796 | 1.522.291 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
Ngân hàng Á Châu
Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

| Thuyết minh | 31/12/2023 Triệu VND | 31/12/2022 Triệu VND |
|----------------|-------------------------|-------------------------|
|----------------|-------------------------|-------------------------|

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | | |
|---|-----------|-----------|
| Lãi dự thu các khoản cho thuê tài chính không đủ tiêu chuẩn | 2.903 | 2.658 |
| Tài sản cho thuê tài chính | 3.842.382 | 3.370.989 |
| Giá trị tài sản cho thuê tài chính theo thời gian sử dụng | 2.811.159 | 2.494.781 |
| Nợ bị tổn thất đang trong thời gian theo dõi | 74.294 | 91.739 |
| Nợ lãi bị tổn thất đang trong thời gian theo dõi | 19.495 | 18.856 |

Ngày 23 tháng 2 năm 2024

Người lập

Nguyễn Thị Mỹ Dung
Kế toán

Người duyệt

Nguyễn Thị Hoàng Yên
Kế toán trưởng



Trần Văn Tâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
 Ngân hàng Á Châu
 Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
 Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B03/TCTD
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

| | Thuyết minh | 2023 Triệu VND | 2022 Triệu VND | |
|-------------|---|-------------------|-------------------|-----------------|
| 1 | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 14 | 174.502 | 128.363 |
| 2 | Chi phí lãi và các chi phí tương tự | 14 | (59.082) | (38.493) |
| I | Thu nhập lãi thuần | 14 | 115.420 | 89.870 |
| 4 | Chi phí hoạt động dịch vụ | | (7) | (6) |
| II | Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ | | (7) | (6) |
| III | Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | | 531 | 1.111 |
| 5 | Thu nhập từ hoạt động khác | | 8.750 | 319 |
| VI | Lãi thuần từ hoạt động khác | | 8.750 | 319 |
| VIII | Chi phí hoạt động | 15 | (29.893) | (26.372) |
| IX | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | | 94.801 | 64.922 |
| X | Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 6 | (19.779) | 2.471 |
| XI | Tổng lợi nhuận trước thuế | | 75.022 | 67.393 |
| 7 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 16 | (15.034) | (13.593) |
| 8 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 16 | - | - |
| XII | Chi phí thuế TNDN | 16 | (15.034) | (13.593) |
| XIII | Lợi nhuận sau thuế | | 59.988 | 53.800 |

Ngày 23 tháng 2 năm 2024

Người lập



Nguyễn Thị Mỹ Dung
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Hoàng Yên
Kế toán trưởng




Trần Văn Tâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

| | Thuyết minh | 2023 Triệu VND | 2022 Triệu VND |
|--|--|-------------------|-------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được | 172.529 | 125.359 |
| 02 | Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả | (58.571) | (37.024) |
| 03 | Chi cho hoạt động dịch vụ | (7) | (6) |
| 04 | Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 531 | 1.111 |
| 05 | Thu nhập khác nhận được | 231 | 53 |
| 06 | Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro | 8.518 | 266 |
| 07 | Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ | (30.180) | (23.639) |
| 08 | Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm | 12 (13.598) | (14.283) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động | 79.453 | 51.837 |
| Những thay đổi về tài sản hoạt động | | | |
| 12 | Tăng các khoản phải thu từ cho thuê tài chính | (245.730) | (250.136) |
| 13 | Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản | (6.187) | (1.253) |
| 14 | (Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động | (1.428) | 727 |
| Những thay đổi về công nợ hoạt động | | | |
| 16 | Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác | 200.000 | 194.000 |
| 17 | Tăng tiền gửi của khách hàng | 39.344 | 25.113 |
| 21 | (Giảm)/tăng khác về nợ hoạt động | (8.945) | 8.706 |
| I | LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 56.507 | 28.994 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

30514
 CÔNG
 ÁCH NH
 ỘT TH
 IO THU
 NGÃ
 Á
 3-TR

0011
 CHI
 ÔNG
 K
 PH

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
 Ngân hàng Á Châu
 Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
 Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày
 31 tháng 12 năm 2023 (Phương pháp trực tiếp - tiếp theo)

Mẫu B04/TCTD
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

| | Thuyết minh | 2023 Triệu VND | 2022 Triệu VND |
|---|--|-------------------|-------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 01 | Mua sắm tài sản cố định | (2.722) | (1.274) |
| 02 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 29 | 219 |
| II | LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | (2,693) | (1.055) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 04 | Lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ | (45.292) | (25.840) |
| III | LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | (45.292) | (25.840) |
| IV | LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM | 8.522 | 2.099 |
| V | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM | 22.991 | 20.892 |
| VII | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM | 17 | 31.513 |
| | | 31.513 | 22.991 |

Ngày 23 tháng 2 năm 2024

Người lập

Nguyễn Thị Mỹ Dung
Kế toán

Người duyệt

Nguyễn Thị Hoàng Yến
Kế toán trưởng



Trần Văn Tâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

2496-
 CÔNG TY
 GIỚI HỮU
 HẠN V
 Ế TÀI C
 N HÃN
 CHẤ
 . HỒ C

042-4
 NHÁ
 TY T
 PMC
 HỒ C

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
Ngân hàng Á Châu
Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Thành lập và hoạt động

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 06/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp ngày 22 tháng 5 năm 2007 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi lần thứ 9 số 0305142496/GP-UB ngày 27 tháng 5 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chủ yếu của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ cho thuê tài chính, thuê hoạt động và các dịch vụ liên quan đến cho thuê tài chính khác.

(b) Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, số vốn điều lệ của Công ty là 500.000 triệu VND.

(c) Địa điểm và mạng lưới hoạt động

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 9, Tòa nhà ACB Tower, số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có hai (2) chi nhánh: Chi nhánh Hà Nội tại số 10 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam và Chi nhánh Đà Nẵng tại số 218 Bạch Đằng, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

(d) Tổng số nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 58 nhân viên chính thức (31/12/2022: 48 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng (“TCTD”).

C.T.
HẠN
IÊN
HÌNH
3
J
H.T.

27-
NH
NH
i
H.T.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính này được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất (“triệu VND”).

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Công ty được hạch toán theo nguyên tệ. Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tài sản và công nợ bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối tháng được quy đổi theo tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của tháng. Chênh lệch do đánh giá lại hàng tháng được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bản cân đối kế toán cuối mỗi tháng và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào thời điểm cuối năm.

(b) Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác của Công ty là tiền gửi thanh toán, được phản ánh theo số dư gốc.

(c) Các khoản phải thu từ cho thuê tài chính

Các khoản phải thu từ cho thuê tài chính được trình bày theo số dư gốc trừ đi dự phòng rủi ro các khoản phải thu từ cho thuê tài chính.

Các khoản cho thuê tài chính trung hạn có kỳ hạn trên 1 đến 5 năm kể từ ngày giải ngân. Các khoản cho thuê tài chính dài hạn có kỳ hạn trên 5 năm kể từ ngày giải ngân.

Các khoản phải thu từ cho thuê tài chính được dừng ghi nhận khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ các khoản phải thu này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao các khoản phải thu này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với khoản phải thu được chuyển giao cho bên khác.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 7 năm 2021 (“Thông tư 11”) của NHNNVN quy định về phân loại tài sản cố, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, như trình bày tại thuyết minh 3(d).

(d) Phân loại nợ và dự phòng rủi ro tín dụng

(i) Phân loại nợ

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng khác và phải thu từ cho thuê tài chính (gọi chung là “các khoản nợ”) được thực hiện theo quy định của Thông tư 11. Theo đó, Công ty thực hiện phân loại nợ hàng tháng dựa trên số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của tháng. Công ty thực hiện việc phân loại nợ theo phương pháp định lượng như sau:

| Nhóm | | Tình trạng quá hạn |
|------|--------------------|--|
| 1 | Nợ đủ tiêu chuẩn | (a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn. |
| 2 | Nợ cần chú ý | (a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn. |
| 3 | Nợ dưới tiêu chuẩn | (a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu còn trong hạn; hoặc (c) Nợ được miễn, giảm lãi do khách hàng không có khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi. |

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
Ngân hàng Á Châu
Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

| Nhóm | | Tình trạng quá hạn |
|-------------|------------------------|--|
| 4 | Nợ nghi ngờ | (a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi. |
| 5 | Nợ có khả năng mất vốn | (a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm số (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ chưa đến hạn thu theo quyết định thu nợ do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu được quá 60 ngày, kể từ ngày ra quyết định thu nợ; hoặc (h) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNNVN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản. |

Nợ xấu là các khoản nợ thuộc các Nhóm 3, 4, 5.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Công ty mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ có rủi ro cao hơn thì Công ty thực hiện việc phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Công ty cũng thu thập kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (“CIC”) cung cấp tại thời điểm phân loại nợ để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ. Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách khách hàng do CIC cung cấp, Công ty điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

196
 TỶ
 HỮU
 H VI
 TÀI CH
 HANG
 HAU
 IÔ CH

042
 NH
 TỶ
 M
 HỒ

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
Ngân hàng Á Châu
Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phân loại nợ cho các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid – 19

Công ty áp dụng Thông tư số 14/2021/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 7 tháng 9 năm 2021 (“Thông tư 14”) và Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 2 tháng 4 năm 2021 (“Thông tư 03”) của NHNNVN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 (“Thông tư 01”) của NHNNVN quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19. Theo đó, đối với khách hàng có các khoản nợ phát sinh trước ngày 1 tháng 8 năm 2021 và phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19, thì Công ty được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và phân loại nợ như sau:

| Thời điểm phát sinh khoản nợ | Tình trạng quá hạn | Khoảng thời gian phát sinh quá hạn | Áp dụng phân loại nợ |
|----------------------------------|------------------------------------|--|---|
| Trước 23/1/2020 | Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày | Từ 30/3/2020 đến 30/6/2022 | Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020. |
| Từ 23/1/2020 đến trước 1/8/2021 | Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày | Từ 17/05/2021 đến trước 17/7/2021 hoặc từ 7/9/2021 đến 30/6/2022 | Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu. |
| Trước 23/1/2020 | Quá hạn | Từ 23/1/2020 đến 29/3/2020 | Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020. |
| Từ 23/1/2020 đến trước 10/6/2020 | Quá hạn | Từ 23/1/2020 đến trước 17/5/2021 | Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày khoản nợ bị chuyển quá hạn. |
| Từ 10/6/2020 đến trước 1/8/2021 | Quá hạn | Từ 17/7/2021 đến trước 7/9/2021 | |

Phân loại nợ cho các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn trả nợ vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng

Công ty áp dụng Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2023 (“Thông tư 02”) của NHNNVN quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn. Theo đó, đối với khách hàng có các khoản nợ phát sinh trước ngày 24 tháng 4 năm 2023 và phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong thời gian từ ngày 24 tháng 4 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm, thì Công ty được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như sau:

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
 Ngân hàng Á Châu
 Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
 Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

| Thời điểm phát sinh khoản nợ | Tình trạng quá hạn | Khoảng thời gian phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi | Áp dụng phân loại nợ |
|------------------------------|------------------------------------|--|--|
| Trước 24/4/2023 | Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày | Từ 24/4/2023 đến 30/6/2024 | Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ. |

(ii) **Dự phòng rủi ro tín dụng**

Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể và dự phòng rủi ro tín dụng chung.

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Theo quy định của Thông tư 11, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể cho các khoản nợ tại cuối mỗi tháng được xác định dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của tháng trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm.

Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể đối với từng nhóm nợ như sau:

| Nhóm | Loại | Tỷ lệ dự phòng cụ thể |
|------|------------------------|-----------------------|
| 1 | Nợ đủ tiêu chuẩn | 0% |
| 2 | Nợ cần chú ý | 5% |
| 3 | Nợ dưới tiêu chuẩn | 20% |
| 4 | Nợ nghi ngờ | 50% |
| 5 | Nợ có khả năng mất vốn | 100% |

Giá trị và tỷ lệ khấu trừ tối đa của tài sản bảo đảm được xác định theo các quy định của Thông tư 11 theo đó từng loại tài sản bảo đảm có tỷ lệ khấu trừ tối đa nhất định cho mục đích tính toán dự phòng rủi ro.

Ngoài ra, Công ty xác định và ghi nhận số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung đối với toàn bộ số dư của khoản phải thu cho thuê tài chính khách hàng định kỳ hàng năm, bao gồm cả số dư được cơ cấu thời hạn, miễn, giảm lãi theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 11 (nếu không áp dụng quy định giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14, và Thông tư 02).

Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Theo Thông tư 11, một khoản dự phòng rủi ro tín dụng chung được trích lập với mức bằng 0,75% tổng số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của mỗi tháng của các khoản nợ từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 trừ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác, khoản mua giấy tờ có giá do các tổ chức tín dụng khác phát hành, khoản mua bán lại trái phiếu chính phủ.

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
Ngân hàng Á Châu
Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(iii) **Trích lập dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu theo quy định của Thông tư 03 và Thông tư 02 như sau:

Số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung được xác định theo công thức sau:

Số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung = A – B

Trong đó:

- A: Số tiền dự phòng cụ thể phải trích đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 11 (Thuyết minh 3(d)(i)).
- B: Số tiền dự phòng cụ thể đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 01, Thông tư 03, Thông tư 14 và Thông tư 02 (Thuyết minh 3(d)(i)).

Trường hợp số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung theo Thông tư 03 được xác định theo công thức nêu trên là dương, Công ty thực hiện trích bổ sung dự phòng cụ thể như sau:

- Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021: Tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.
- Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022: Tối thiểu 60% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.
- Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Trường hợp số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung theo Thông tư 02 được xác định theo công thức nêu trên là dương, Công ty thực hiện trích bổ sung dự phòng cụ thể như sau:

- Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023: Tối thiểu 50% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.
- Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

(iv) **Xử lý nợ xấu**

Theo Thông tư 11, các khoản cho vay khách hàng sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

Các khoản nợ đã được xử lý rủi ro bằng nguồn dự phòng được ghi nhận vào tài khoản ngoại bảng phù hợp để theo dõi và thu nợ. Số tiền thu hồi được từ nợ đã xử lý rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi thu được.

(e) **Các cam kết ngoại bảng**

Theo Thông tư 11, việc phân loại nợ các khoản cam kết ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý rủi ro, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. Công ty không phát sinh các khoản cam kết ngoại bảng nên không cần trích lập.

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
Ngân hàng Á Châu
Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(f) **Tài sản cố định hữu hình**

(i) **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|------------------------|----------|
| ▪ thiết bị văn phòng | 8 năm |
| ▪ phương tiện vận tải | 8-10 năm |
| ▪ tài sản cố định khác | 5 năm |

(g) **Chi phí trả trước dài hạn**

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(h) **Các tài sản Có khác**

Các tài sản Có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng được trình bày tại Thuyết minh 3(d), được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng.

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng được trích lập theo tuổi quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

96-C,
TY
HỮU HẠN
VIÊN
CHÍNH
IANG
IÊU
ĐỒ CHỈ

2042-
NHÁ
TY
PMI
HỒ

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
Ngân hàng Á Châu
Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Đối với các tài sản Có quá hạn thanh toán, Công ty áp dụng mức trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn như sau:

| Tình trạng quá hạn | Tỷ lệ dự phòng |
|---------------------------|----------------|
| Từ 6 tháng đến dưới 1 năm | 30% |
| Từ 1 đến dưới 2 năm | 50% |
| Từ 2 đến dưới 3 năm | 70% |
| Từ 3 năm trở lên | 100% |

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(i) Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng được ghi nhận theo giá gốc

(j) Các khoản phải trả và công nợ khác

Các khoản phải trả và công nợ khác được phản ánh theo giá gốc.

(k) Các khoản dự phòng

Một khoản dự phòng, ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày ở Thuyết minh 3(d) và 3(h) được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
Ngân hàng Á Châu
Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(m) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(n) Các quỹ dự trữ bắt buộc của Công ty

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành 7 tháng 8 năm 2017 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng (“Nghị định 93”), Công ty phải trích lập các quỹ sau trước khi phân phối lợi nhuận:

| | Tỷ lệ trích lập hàng năm | Số dư tối đa |
|--------------------------------|---------------------------------|---------------------|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 5% lợi nhuận sau thuế | 100% vốn điều lệ |
| Quỹ dự phòng tài chính | 10% lợi nhuận sau thuế | Không quy định |

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định của pháp luật. Các quỹ dự trữ bắt buộc này không được phép phân phối và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu.

(o) Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận phân phối cho Ngân hàng mẹ được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính trong năm tài chính khi việc phân phối lợi nhuận của Công ty được Hội đồng Thành viên phê duyệt.

(p) Doanh thu

(i) Thu nhập lãi từ cho thuê tài chính

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 (được trình bày tại Thuyết minh 3(d)) và các khoản nợ được cơ cấu giữ nguyên Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn) do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước được ghi nhận khi Công ty thực sự thu được. Khi một khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 3(d) thì số lãi dự thu được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thu được.

Khi một khoản nợ được giữ nguyên Nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước thì số lãi phải thu phát sinh trong năm không được hạch toán là thu nhập và Công ty thực hiện theo dõi ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi thu được.

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
Ngân hàng Á Châu
Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(ii) **Thu nhập lãi từ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác**

Thu nhập lãi từ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(q) **Chi phí lãi**

Chi phí lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

(r) **Chi phí hoạt động dịch vụ**

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

(s) **Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

TRÁ
M
CH
QUẬN

00112

CHI
ÔNG
KI
PH

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
Ngân hàng Á Châu
Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm Ngân hàng mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của Ngân hàng mẹ.

(v) Các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

514249
CÔNG
CH NHIỆM
T THÀNI
J THUÊ T
NGÂN H.
Á CH
3 - TP.H

042

NHÀ
TỶ
M

HỒ

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
Ngân hàng Á Châu
Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản cho vay và phải thu; hoặc
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
 Ngân hàng Á Châu
 Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
 Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(w) **Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác

| | 31/12/2023 Triệu VND | 31/12/2022 Triệu VND |
|------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Tiền gửi không kỳ hạn | | |
| ▪ Bằng VND | 20.715 | 17.307 |
| ▪ Bằng ngoại tệ | 5.793 | 5.684 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | | |
| ▪ Bằng VND | 4.900 | - |
| | 31.408 | 22.991 |

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi tại các TCTD khác như sau:

| | 31/12/2023 Triệu VND | 31/12/2022 Triệu VND |
|---------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn | 31.408 | 22.991 |

5. Các khoản phải thu từ cho thuê tài chính

Phân tích các khoản phải thu từ cho thuê tài chính theo nhóm nợ như sau:

| | 31/12/2023 Triệu VND | 31/12/2022 Triệu VND |
|---------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn (i) | 1.706.478 | 1.467.283 |
| Nhóm 2 - Nợ cần chú ý | 6.908 | 26.074 |
| Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn | 2.320 | 714 |
| Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ | 7.738 | 1.677 |
| Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn | 27.273 | 9.239 |
| | 1.750.717 | 1.504.987 |

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
Ngân hàng Á Châu
Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

- (i) Bao gồm trong số dư nợ đủ tiêu chuẩn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 26.293 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 59.934 triệu VND) tổng số dư các khoản phải thu từ cho thuê tài chính của các khế ước nhận nợ thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư 01 (Thông tư 03, Thông tư 14 sửa đổi) và Thông tư 02 trong đó có 12.955 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 46.709 triệu VND) là số dư nợ thuộc về các khế ước này đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, được thực hiện theo Thông tư 01 (Thông tư 03 và Thông tư 14 sửa đổi) và Thông tư 02. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang ghi nhận ngoại bảng số tiền 67 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 187 triệu VND) lãi dự thu của các khế ước này

Phân tích các khoản phải thu từ cho thuê tài chính theo kỳ hạn như sau:

| | 31/12/2023 | 31/12/2022 |
|--------------|-------------------|-------------------|
| | Triệu VND | Triệu VND |
| Nợ trung hạn | 1.646.595 | 1.016.534 |
| Nợ dài hạn | 104.122 | 488.453 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 1.750.717 | 1.504.987 |

Phân tích khoản phải thu từ cho thuê tài chính theo loại hình doanh nghiệp như sau:

| | 31/12/2023 | 31/12/2022 |
|---------------------------------------|-------------------|-------------------|
| | Triệu VND | Triệu VND |
| Công ty cổ phần | 1.693.732 | 1.435.350 |
| Cá nhân và hộ kinh doanh | 38.410 | 46.649 |
| Doanh nghiệp tư nhân | 11.315 | 9.449 |
| Hợp tác xã | 6.198 | 13.319 |
| Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | 1.062 | 220 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 1.750.717 | 1.504.987 |

Phân tích các khoản phải thu từ cho thuê tài chính theo loại tiền tệ như sau:

| | 31/12/2023 | 31/12/2022 |
|----------|-------------------|-------------------|
| | Triệu VND | Triệu VND |
| Bằng VND | 1.735.686 | 1.484.204 |
| Bằng USD | 15.031 | 20.783 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 1.750.717 | 1.504.987 |

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
 Ngân hàng Á Châu
 Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
 Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phân tích các khoản phải thu từ cho thuê tài chính theo ngành nghề kinh doanh như sau:

| | 31/12/2023 Triệu VND | 31/12/2022 Triệu VND |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Giao thông, vận tải, kho bãi | 482.539 | 466.558 |
| Bán buôn và bán lẻ; và bảo trì phụng tiện vận chuyển | 446.844 | 343.312 |
| Sản xuất và chế biến | 302.246 | 307.232 |
| Xây dựng | 215.588 | 156.136 |
| Khai thác mỏ và khai thác đá | 54.140 | 16.193 |
| Hộ gia đình | 38.410 | 48.321 |
| Nông nghiệp và lâm nghiệp | 18.262 | 33.324 |
| Điện, xăng dầu và nước | 18.474 | 46.649 |
| Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội | 11.325 | 15.237 |
| Các ngành nghề khác | 162.889 | 72.025 |
| | 1.750.717 | 1.504.987 |

6. Dự phòng rủi ro cho các khoản phải thu từ cho thuê tài chính

Biến động dự phòng rủi ro các khoản phải thu từ cho thuê tài chính khách hàng như sau:

| | Dự phòng chung Triệu VND | Dự phòng cụ thể Triệu VND | Tổng Triệu VND |
|--|--------------------------------|---------------------------------|-------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 9.346 | 16.642 | 25.988 |
| Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm | 1.872 | (4.344) | (2.472) |
| Sử dụng dự phòng trong năm | - | (1.253) | (1.253) |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 | 11.218 | 11.045 | 22.263 |
| Trích lập dự phòng trong năm | 1.708 | 18.071 | 19.779 |
| Sử dụng dự phòng trong năm | - | (6.187) | (6.187) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 12.926 | 22.929 | 35.855 |

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
 Ngân hàng Á Châu
 Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
 Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

7. Tài sản cố định hữu hình

| | Thiết bị văn phòng Triệu VND | Phương tiện vận tải Triệu VND | Tài sản cố định khác Triệu VND | Tổng cộng Triệu VND |
|------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 127 | 2.132 | 50 | 2.309 |
| Tăng trong năm | 129 | 2.513 | - | 2.642 |
| Thanh lý | - | (858) | - | (858) |
| Số dư cuối năm | 256 | 3.787 | 50 | 4.093 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số dư đầu năm | 70 | 761 | 50 | 881 |
| Khấu hao trong năm | 18 | 240 | - | 258 |
| Thanh lý | - | (829) | - | (829) |
| Số dư cuối năm | 88 | 172 | 50 | 310 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số dư đầu năm | 57 | 1.371 | - | 1.428 |
| Số dư cuối năm | 168 | 3.615 | - | 3.783 |

8. Tài sản Có khác

| | 31/12/2023 Triệu VND | 31/12/2022 Triệu VND |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Các khoản phải thu | | |
| ▪ Lãi phải thu từ nghiệp vụ mua và bán lại tài sản | 5.506 | 4.071 |
| ▪ Tạm ứng và phải thu nội bộ | 3.709 | 1.200 |
| ▪ Ký quỹ | 103 | 92 |
| Các khoản lãi và phí phải thu | | |
| ▪ Lãi dự thu | 6.801 | 6.264 |
| Tài sản có khác | | |
| ▪ Chi phí trả trước | 2.379 | 3.459 |
| ▪ Tài sản có khác | 68 | 62 |
| | 18.566 | 15.148 |

6-C
 RY
 I UU HA
 I VI EN
 I CH IN
 AN G
 AU
 5 CH I

007-G
 INH
 TNHI
 G
 CH I

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
Ngân hàng Á Châu
Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

9. Vay các tổ chức tín dụng khác

| | 31/12/2023 Triệu VND | 31/12/2022 Triệu VND |
|----------|-------------------------|-------------------------|
| Bằng VND | 945.400 | 745.400 |

10. Tiền gửi của khách hàng

| | 31/12/2023 Triệu VND | 31/12/2022 Triệu VND |
|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Tiền gửi của khách hàng | | |
| Bằng VND | 10.000 | - |
| Tiền ký quỹ | | |
| Bằng VND | 181.365 | 152.021 |
| | 191.365 | 152.021 |

Tiền gửi của khách hàng theo loại hình doanh nghiệp như sau:

| | 31/12/2023 Triệu VND | 31/12/2022 Triệu VND |
|---------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Công ty cổ phần | 183.361 | 141.096 |
| Hộ kinh doanh, cá nhân | 5.812 | 8.258 |
| Doanh nghiệp tư nhân | 1.391 | 1.340 |
| Hợp tác xã | 679 | 1.162 |
| Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | 122 | 165 |
| | 191.365 | 152.021 |

11. Các khoản nợ khác

| | 31/12/2023 Triệu VND | 31/12/2022 Triệu VND |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Các khoản lãi, phí phải trả | | |
| ▪ Lãi phải trả | 5.675 | 5.166 |
| Các khoản phải trả nội bộ | 4.184 | 4.737 |
| Các khoản phải trả cho bên ngoài | | |
| ▪ Các khoản phải nộp Ngân sách nhà nước (Thuyết minh 12) | 4.620 | 3.134 |
| ▪ Lợi nhuận chờ chuyển cho Ngân hàng mẹ | - | 45.292 |
| ▪ Phải trả khác | 535 | 9.512 |
| | 9.339 | 62.675 |

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
 Ngân hàng Á Châu
 Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
 Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

12. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước

| 2023 | Số dư | Biến động trong năm | | Số dư |
|----------------------------|-----------|---------------------|-----------|-----------|
| | đầu năm | Số phải nộp | Số đã nộp | cuối năm |
| | Triệu VND | Triệu VND | Triệu VND | Triệu VND |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.882 | 15.034 | (13.598) | 4.318 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 210 | 2.221 | (2.179) | 252 |
| Các loại thuế khác | 42 | 104 | (96) | 50 |
| | 3.134 | 17.359 | (15.873) | 4.620 |

13. Vốn chủ sở hữu

(i) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp | Quỹ dự trữ | Quỹ | Lợi nhuận | Tổng |
|-----------------------------|-----------|------------|-----------|-----------|-----------|
| | Triệu VND | bổ sung | dự phòng | chưa | Triệu VND |
| | Triệu VND | vốn góp | tài chính | phân phối | |
| | | Triệu VND | Triệu VND | Triệu VND | |
| Số dư tại ngày | | | | | |
| 1 tháng 1 năm 2022 | 500.000 | 16.319 | 32.639 | - | 548.958 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 53.800 | 53.800 |
| Trích lập các quỹ | - | 2.691 | 5.380 | (8.071) | - |
| Lợi nhuận phân phối về | | | | | |
| Ngân hàng mẹ | - | - | - | (45.729) | (45.729) |
| Số dư tại ngày | | | | | |
| 1 tháng 1 năm 2023 | 500.000 | 19.010 | 38.019 | - | 557.029 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 59.988 | 59.988 |
| Trích lập các quỹ | - | 2.999 | 5.999 | (8.998) | - |
| Số dư tại ngày | | | | | |
| 31 tháng 12 năm 2023 | 500.000 | 22.009 | 44.018 | 50.990 | 617.017 |

(ii) Vốn góp

| | Vốn được duyệt và đã góp | | | |
|-----------------------|--------------------------|------|------------|------|
| | 31/12/2023 | | 31/12/2022 | |
| | Triệu VND | % | Triệu VND | % |
| Ngân hàng TMCP Á Châu | 500.000 | 100% | 500.000 | 100% |

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
 Ngân hàng Á Châu
 Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
 Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

14. Thu nhập lãi thuần

| | 2023 Triệu VND | 2022 Triệu VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự từ | | |
| Hoạt động cho thuê tài chính | 174.430 | 128.333 |
| Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác | 72 | 30 |
| | <u>174.502</u> | <u>128.363</u> |
| Chi phí lãi và các chi phí tương tự từ | | |
| Vay từ các tổ chức tín dụng khác | 58.171 | 38.026 |
| Tiền gửi của khách hàng | 755 | 367 |
| Khác | 156 | 100 |
| | <u>59.082</u> | <u>38.493</u> |
| Thu nhập lãi thuần | <u>115.420</u> | <u>89.870</u> |

15. Chi phí hoạt động

| | 2023 Triệu VND | 2022 Triệu VND |
|--|-------------------|-------------------|
| 1. Chi phí cho nhân viên | 23.017 | 19.750 |
| Trong đó: | | |
| ▪ Chi lương và phụ cấp | 20.029 | 17.363 |
| ▪ Các khoản chi đóng góp theo lương | 1.860 | 1.411 |
| ▪ Chi trợ cấp | 611 | 513 |
| ▪ Chi trang phục, y tế cho nhân viên | 291 | 216 |
| ▪ Chi khác cho cán bộ công nhân viên | 226 | 247 |
| 2. Chi về tài sản | 1.272 | 1.195 |
| Trong đó: | | |
| ▪ Khấu hao tài sản cố định | 266 | 182 |
| ▪ Chi phí khác | 1.006 | 1.013 |
| 3. Chi cho hoạt động quản lý | 5.273 | 5.172 |
| 7. Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí | 331 | 255 |
| | <u>29.893</u> | <u>26.372</u> |

496
 G TY
 M H U
 N H V
 T A I C
 H A N G
 H A U
 H O C

42-0
 H A N
 T Y T
 M G
 H O C

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
 Ngân hàng Á Châu
 Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
 Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| | 2023 Triệu VND | 2022 Triệu VND |
|-----------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 15.034 | 13.593 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | - | - |
| | 15.034 | 13.593 |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2023 Triệu VND | 2022 Triệu VND |
|--------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận trước thuế | 75.022 | 67.393 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 15.004 | 13.479 |
| Điều chỉnh thuế | 30 | 114 |
| | 15.034 | 13.593 |

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho công ty là 20%. Việc tính toán thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

17. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2023 Triệu VND | 31/12/2022 Triệu VND |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Tiền gửi tại NHNNVN | 105 | - |
| Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng | 31.408 | 22.991 |
| | 31.513 | 22.991 |

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
 Ngân hàng Á Châu
 Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
 Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

18. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

| | 2023 Triệu VND | 2022 Triệu VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Tổng số cán bộ, công nhân viên trong năm | 74 | 53 |
| Thu nhập của cán bộ, công nhân viên | | |
| 1. Tổng quỹ lương | 14.365 | 11.543 |
| 2. Thưởng | 6.092 | 3.194 |
| 3. Các khoản phụ cấp và thu nhập khác | 1.110 | 872 |
| 4. Tổng thu nhập (1+2+3) | 21.567 | 15.609 |
| Tiền lương bình quân hàng năm/nhân viên | 194 | 218 |
| Thu nhập bình quân hàng năm/nhân viên | 291 | 295 |

19. Giá trị tài sản cho thuê tài chính

| | 31/12/2023 Triệu VND | 31/12/2022 Triệu VND |
|---------------------|-------------------------|-------------------------|
| Máy móc và thiết bị | 1.432.411 | 1.333.075 |
| Phương tiện vận tải | 2.409.971 | 2.037.914 |
| | 3.842.382 | 3.370.989 |

Các tài sản cho thuê tài chính được trình bày theo nguyên giá.

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
Ngân hàng Á Châu
Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

20. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm và trong năm như sau:

| Giao dịch phát sinh trong năm | 31/12/2023 Triệu VND | 31/12/2022 Triệu VND |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ | - | 25.840 |
| Chi phí lãi vay cho các khoản từ Ngân hàng mẹ | 57.021 | 38.026 |
| Thu nhập lãi tiền gửi tại Ngân hàng mẹ | 29 | 30 |
| Chi phí lãi phạt từ Ngân hàng mẹ | 30 | 7 |
| Phí chuyển tiền từ Ngân hàng mẹ | 7 | 6 |
| Phí dịch vụ từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Ngân hàng Á Châu | 312 | 294 |
| Thu nhập của Hội đồng Thành viên và Tổng Giám Đốc | 3.276 | 2.730 |
| Thu nhập của Ban Kiểm Soát | 624 | 512 |
| Số dư cuối năm | | |
| Số dư tiền gửi tại Ngân hàng mẹ | 26.067 | 22.991 |
| Tiền cho vay Ngân hàng mẹ | 824.400 | 745.400 |
| Lợi nhuận phải chuyển về Ngân hàng mẹ | - | 45.292 |
| Chi phí lãi phải trả cho các khoản vay từ Ngân hàng mẹ | 4.678 | 4.810 |
| Vốn góp từ Ngân hàng mẹ | 500.000 | 500.000 |

21. Mức độ tập trung của tài sản và nợ phải trả theo khu vực địa lý

| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 | Tiền gửi tại NHNNVN Triệu VND | Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác Triệu VND | Các khoản phải thu từ cho thuê tài chính Triệu VND | Vay các tổ chức tín dụng khác Triệu VND | Tiền gửi của khách hàng Triệu VND |
|----------------------------------|-------------------------------------|---|--|--|---|
| Trong nước | 105 | 31.408 | 1.750.717 | 945.400 | 191.365 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | Tiền gửi tại NHNNVN Triệu VND | Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác Triệu VND | Các khoản phải thu từ cho thuê tài chính Triệu VND | Vay các tổ chức tín dụng khác Triệu VND | Tiền gửi của khách hàng Triệu VND |
| Trong nước | - | 22.991 | 1.504.987 | 745.400 | 152.021 |

22. Quản lý rủi ro tài chính

(a) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

(i) Tổng quan

Công ty chịu những rủi ro sau từ các công cụ tài chính:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Các thuyết minh sau đây trình bày những thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Công ty thiết lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Rủi ro luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Công ty, nhưng được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Công ty và mỗi cá nhân trong Công ty có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. Công ty chịu các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường, được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh. Ngoài ra, Công ty cũng chịu các rủi ro hoạt động.

Quy trình kiểm soát rủi ro độc lập không bao gồm các rủi ro kinh doanh chẳng hạn như những thay đổi của môi trường, công nghệ và ngành nghề. Những rủi ro này được kiểm soát thông qua quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Công ty.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu từ cho thuê tài chính và các khoản phải thu từ lãi cho thuê tài chính.

Các chính sách kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu từ cho thuê tài chính

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có tình trạng tín dụng tốt, và, khi thích hợp, có thể yêu cầu tài sản bảo đảm. Rủi ro tín dụng đối với từng khách hàng được hạn chế bằng cách áp dụng hạn mức tín dụng do Ban Tín dụng của Công ty phê duyệt.

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
 Ngân hàng Á Châu
 Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
 Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Công ty thực hiện phân loại nợ theo khách hàng để phân tích và đánh giá rủi ro tín dụng, đồng thời, theo dõi các tiêu chí, chỉ số phản ánh rủi ro tín dụng như:

- Nợ xấu và tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ;
- Tỷ lệ nợ xấu trên vốn chủ sở hữu;
- Tỷ lệ nợ xấu trên quỹ dự phòng rủi ro tín dụng; và
- Nợ đáng nghi ngờ có khả năng chuyển thành nợ xấu cao nhất.

Tổng mức rủi ro tín dụng tối đa chưa tính đến tài sản bảo đảm hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, không tính đến tài sản bảo đảm, bao gồm:

| | 31/12/2023 | 31/12/2022 |
|---|------------|------------|
| | Triệu VND | Triệu VND |
| Rủi ro tín dụng liên quan đến các tài khoản thuộc bảng cân đối kế toán | | |
| Tiền gửi tại NHNNVN | 105 | - |
| Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác (i) | 31.408 | 22.991 |
| Các khoản phải thu từ cho thuê tài chính gộp (ii) | 1.750.717 | 1.504.987 |
| Tài sản tài chính khác | 16.119 | 11.627 |

(i) Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác của Công ty chưa quá hạn và chưa bị suy giảm giá trị và chủ yếu được gửi tại Ngân hàng mẹ. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng Ngân hàng mẹ có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các khoản phải thu từ cho thuê tài chính

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty lựa chọn làm việc với các đối tác có tình trạng tín dụng tốt, và, khi thích hợp, có thể yêu cầu tài sản bảo đảm. Rủi ro tín dụng của Công ty chủ yếu phát sinh từ các khoản phải thu từ cho thuê tài chính.

Khi đánh giá rủi ro tín dụng của các khoản phải thu từ cho thuê tài chính, Công ty áp dụng theo hướng dẫn của Thông tư 11 như được trình bày tại Thuyết minh 3(d).

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
Ngân hàng Á Châu
Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Tài sản tài chính nội bảng có rủi ro tín dụng được trình bày theo loại tài sản như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

| | Tiền gửi tại NHNNVN Triệu VND | Tiền gửi tại các TCTD khác Triệu VND | Các khoản phải thu từ cho thuê tài chính Triệu VND | Tài sản tài chính khác Triệu VND |
|--|--|--|---|--|
| Chưa quá hạn và chưa bị suy giảm giá trị | 105 | 31.408 | 1.706.478 | 16.119 |
| Đã suy giảm giá trị | - | - | 44.239 | - |
| Dự phòng rủi ro | - | - | (35.855) | - |
| Giá trị thuần | 105 | 31.408 | 1.714.862 | 16.119 |

Dự phòng rủi ro tín dụng

| | | | | |
|-----------------|---|---|--------|--------|
| Dự phòng cụ thể | - | - | 22.929 | 22.929 |
| Dự phòng chung | - | - | 12.926 | 12.926 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

| | Tiền gửi tại NHNNVN Triệu VND | Tiền gửi tại các TCTD khác Triệu VND | Các khoản phải thu từ cho thuê tài chính Triệu VND | Tài sản tài chính khác Triệu VND |
|--|--|--|---|--|
| Chưa quá hạn và chưa bị suy giảm giá trị | - | 22.991 | 1.467.283 | 11.627 |
| Đã suy giảm giá trị | - | - | 37.704 | - |
| Dự phòng rủi ro | - | - | (22.263) | - |
| Giá trị thuần | - | 22.991 | 1.482.724 | 11.627 |

Dự phòng rủi ro tín dụng

| | | | | |
|-----------------|---|---|--------|---|
| Dự phòng cụ thể | - | - | 11.045 | - |
| Dự phòng chung | - | - | 11.218 | - |

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
Ngân hàng Á Châu
Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower
Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

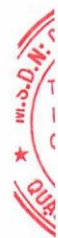
(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thực hiện được nghĩa vụ chi trả liên quan đến công nợ tài chính khi đến hạn, hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường.

Công ty hàng ngày phải đối mặt với những yêu cầu giải ngân từ các khoản cho thuê tài chính và thanh toán các chi phí hoạt động. Công ty không duy trì nguồn tiền lớn để đáp ứng tất cả các nhu cầu đó vì kinh nghiệm cho thấy Công ty có thể dự đoán với một mức độ chính xác cao lượng vốn theo kế hoạch cho vay và nhu cầu chi phí. Đồng thời, Công ty có thể huy động nguồn lực tài chính kịp thời thông qua vay từ Ngân hàng mẹ và các tổ chức tín dụng khác để đáp ứng các nhu cầu chi trả ngoài dự kiến.

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời gian đáo hạn còn lại

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của Công ty theo từng nhóm dựa trên thời gian còn lại tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày đáo hạn. Thời gian đáo hạn thực tế của tài sản và nợ phải trả có thể khác với các thời hạn trong hợp đồng dựa trên phụ lục hợp đồng nếu có.



Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu
Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower, Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 | Quá hạn | | Trong hạn | | | | | Tổng Triệu VND |
|---|------------------------------|------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|--|-------------------------------------|-------------------------|-------------------|
| | Trên 3 tháng Triệu VND | Dưới 3 tháng Triệu VND | Đến 1 tháng Triệu VND | Từ trên 1 đến 3 tháng Triệu VND | Từ trên 3 đến 12 tháng Triệu VND | Từ trên 1 đến 5 năm Triệu VND | Trên 5 năm Triệu VND | |
| Tài sản | | | | | | | | |
| Tiền gửi tại NHNNVN | - | - | 105 | - | - | - | - | 105 |
| Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác | - | - | 31.408 | - | - | - | - | 31.408 |
| Các khoản phải thu từ cho thuê tài chính | 37.331 | 1.635 | 305 | 820 | 77.491 | 1.564.329 | 68.806 | 1.750.717 |
| Tài sản cố định | - | - | - | - | - | 72 | 3.783 | 3.855 |
| Tài sản Có khác | - | - | 18.566 | - | - | - | - | 18.566 |
| Tổng tài sản (1) | 37.331 | 1.635 | 50.384 | 820 | 77.491 | 1.564.401 | 72.589 | 1.804.651 |
| Nợ phải trả | | | | | | | | |
| Vay các tổ chức tín dụng khác | - | - | - | - | 149.000 | 526.400 | 270.000 | 945.400 |
| Tiền gửi của khách hàng | - | - | 1.922 | 1.193 | 33.455 | 150.685 | 4.110 | 191.365 |
| Các khoản nợ khác | - | - | - | 15.014 | - | - | - | 15.014 |
| Tổng nợ phải trả (2) | - | - | 1.922 | 16.207 | 182.455 | 677.085 | 274.110 | 1.151.779 |
| Mức chênh thanh khoản ròng [(3)=(1)-(2)] | 37.331 | 1.635 | 48.462 | (15.387) | (104.964) | 887.316 | (201.521) | 652.872 |

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu
 Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower, Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | Quá hạn | | Trong hạn | | | | | Tổng Triệu VND |
|---|------------------------------|------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|--|-------------------------------------|-------------------------|-------------------|
| | Trên 3 tháng Triệu VND | Dưới 3 tháng Triệu VND | Đến 1 tháng Triệu VND | Từ trên 1 đến 3 tháng Triệu VND | Từ trên 3 đến 12 tháng Triệu VND | Từ trên 1 đến 5 năm Triệu VND | Trên 5 năm Triệu VND | |
| Tài sản | | | | | | | | |
| Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác | - | - | 22.991 | - | - | - | - | 22.991 |
| Các khoản phải thu từ cho thuê tài chính | 14.955 | 598 | 88 | 1.074 | 60.363 | 1.397.216 | 30.693 | 1.504.987 |
| Tài sản cố định | - | - | - | - | - | - | 1.428 | 1.428 |
| Tài sản Có khác | - | - | 15.148 | - | - | - | - | 15.148 |
| Tổng tài sản (1) | 14.955 | 598 | 38.227 | 1.074 | 60.363 | 1.397.216 | 32.121 | 1.544.554 |
| Nợ phải trả | | | | | | | | |
| Vay các tổ chức tín dụng khác | - | - | - | - | - | - | 745.400 | 745.400 |
| Tiền gửi của khách hàng | - | - | 708 | 2.093 | 18.252 | 130.554 | 414 | 152.021 |
| Các khoản nợ khác | - | - | - | 67.841 | - | - | - | 67.841 |
| Tổng nợ phải trả (2) | - | - | 708 | 69.934 | 18.252 | 130.554 | 745.814 | 965.262 |
| Mức chênh thanh khoản ròng [(3)-(1)-(2)] | 14.955 | 598 | 37.519 | (68.860) | 42.111 | 1.266.662 | (713.693) | 579.292 |



Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính Ngân
hàng Á Châu
Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower, Số 444A – 446 Cách Mạng
Tháng Tám, Phường 11
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính bị biến động do các tác động của các thay đổi về lãi suất của thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc kiểm soát mức chênh lệch lãi suất theo kỳ hạn hàng tháng.

Bảng dưới đây phân tích tài sản và nợ phải trả của Công ty được phân loại theo kỳ định lại lãi suất thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu
 Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower, Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 | Quá hạn Triệu VND | Không chịu lãi Triệu VND | Dưới 1 tháng Triệu VND | Từ 1 đến 3 tháng Triệu VND | Từ trên 3 đến 6 tháng Triệu VND | Từ trên 6 đến 12 tháng Triệu VND | Từ trên 1 đến 5 năm Triệu VND | Trên 5 năm Triệu VND | Tổng Triệu VND |
|--|----------------------|--------------------------------|---------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|--|-------------------------------------|-------------------------|-------------------|
| Tài sản | | | | | | | | | |
| Tiền gửi tại NHNNVN | - | - | 105 | - | - | - | - | - | 105 |
| Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác | - | - | 31.408 | - | - | - | - | - | 31.408 |
| Các khoản phải thu từ cho thuê tài chính | 38.966 | - | 1.531 | 131.169 | 1.162.227 | 266.917 | 149.414 | 493 | 1.750.717 |
| Tài sản cố định | - | 3.855 | - | - | - | - | - | - | 3.855 |
| Tài sản Có khác | - | 18.566 | - | - | - | - | - | - | 18.566 |
| Tổng tài sản (1) | 38.966 | 22.421 | 33.044 | 131.169 | 1.162.227 | 266.917 | 149.414 | 493 | 1.804.651 |
| Nợ phải trả | | | | | | | | | |
| Vay các tổ chức tín dụng khác | - | - | - | 884.400 | - | - | - | 61.000 | 945.400 |
| Tiền gửi của khách hàng | - | - | - | 181.365 | - | 10.000 | - | - | 191.365 |
| Các khoản nợ khác | - | 15.014 | - | - | - | - | - | - | 15.014 |
| Tổng nợ phải trả (2) | - | 15.014 | - | 1.065.765 | - | 10.000 | - | 61.000 | 1.151.779 |
| Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng [(3)=(1)-(2)] | 38.966 | 7.407 | 33.044 | (934.596) | 1.162.227 | 256.917 | 149.414 | (60.507) | 652.872 |
| Mức chênh lệch cam với lãi suất ngoại bảng (4) | 2.903 | - | - | - | - | - | - | - | 2.903 |
| Mức chênh lệch cam với lãi suất nội, ngoại bảng [(5)=(3)+(4)] | 41.869 | 7.407 | 33.044 | (934.596) | 1.162.227 | 256.917 | 149.414 | (60.507) | 655.775 |



Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu
 Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower, Số 444A – 446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11
 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | Quá hạn Triệu VND | Không chịu lãi Triệu VND | Dưới 1 tháng Triệu VND | Từ 1 đến 3 tháng Triệu VND | Từ trên 3 đến 6 tháng Triệu VND | Từ trên 6 đến 12 tháng Triệu VND | Từ trên 1 đến 5 năm Triệu VND | Trên 5 năm Triệu VND | Tổng Triệu VND |
|--|----------------------|--------------------------------|---------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|--|-------------------------------------|-------------------------|-------------------|
| Tài sản | | | | | | | | | |
| Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác | - | - | 22.991 | - | - | - | - | - | 22.991 |
| Các khoản phải thu từ cho thuê tài chính | 15.553 | - | 47.703 | 738.811 | 630.405 | 52.328 | 19.635 | 552 | 1.504.987 |
| Tài sản cố định | - | 1.428 | - | - | - | - | - | - | 1.428 |
| Tài sản Có khác | - | 15.148 | - | - | - | - | - | - | 15.148 |
| Tổng tài sản (1) | 15.553 | 16.576 | 70.694 | 738.811 | 630.405 | 52.328 | 19.635 | 552 | 1.544.554 |
| Nợ phải trả | | | | | | | | | |
| Vay các tổ chức tín dụng khác | - | - | - | 684.400 | - | - | - | 61.000 | 745.400 |
| Tiền gửi của khách hàng | - | - | - | 152.021 | - | - | - | - | 152.021 |
| Các khoản nợ khác | - | 67.841 | - | - | - | - | - | - | 67.841 |
| Tổng nợ phải trả (2) | - | 67.841 | - | 836.421 | - | - | - | 61.000 | 965.262 |
| Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng [(3)=(1)-(2)] | 15.553 | (51.265) | 70.694 | (97.610) | 630.405 | 52.328 | 19.635 | (60.448) | 579.292 |
| Mức chênh lệch cảm với lãi suất ngoại bảng (4) | 2.658 | - | - | - | - | - | - | - | 2.658 |
| Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng [(5)=(3)+(4)] | 18.211 | (51.265) | 70.694 | (97.610) | 630.405 | 52.328 | 19.635 | (60.448) | 581.950 |



Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
 Ngân hàng Á Châu
 Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower, Số 444A – 446 Cách Mạng
 Tháng Tám, Phường 11
 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày
 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(ii) **Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền hạch toán kế toán là Đồng Việt Nam. Đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là Đồng Việt Nam. Các khoản phải thu từ cho thuê tài chính của công ty chủ yếu bằng VND và Đô la Mỹ. Tổng Giám đốc thiết lập hạn mức giao dịch cho từng loại tiền và tổng các loại tiền trong ngày và kiểm soát hạn mức giao dịch hàng ngày.

Bảng dưới đây phân loại tài sản, công nợ và vốn chủ sở hữu của Công ty theo loại tiền tệ được quy đổi sang VND tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

| | VND Triệu VND | USD được quy đổi Triệu VND | Tổng Triệu VND |
|---|------------------|----------------------------------|-------------------|
| Tài sản | | | |
| Tiền gửi tại NHNNVN | 105 | - | 105 |
| Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác | 25.615 | 5.793 | 31.408 |
| Các khoản phải thu từ cho thuê tài chính | 1.735.686 | 15.031 | 1.750.717 |
| Tài sản cố định | 3.855 | - | 3.855 |
| Tài sản Có khác | 18.566 | - | 18.566 |
| Tổng tài sản (1) | 1.783.827 | 20.824 | 1.804.651 |
| Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu | | | |
| Vay các tổ chức tín dụng khác | 945.400 | - | 945.400 |
| Tiền gửi của khách hàng | 191.365 | - | 191.365 |
| Các khoản nợ khác | 15.014 | - | 15.014 |
| Vốn và các quỹ | 617.017 | - | 617.017 |
| Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu (2) | 1.768.796 | - | 1.768.796 |
| Trạng thái tiền tệ nội bảng [(3)=(1)-(2)] | 15.031 | 20.824 | 35.855 |
| Trạng thái tiền tệ ngoại bảng (4) | 2.903 | - | 2.903 |
| Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng [(5)=(3)+(4)] | 17.934 | 20.824 | 38.758 |

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
Ngân hàng Á Châu
Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower, Số 444A – 446 Cách Mạng
Tháng Tám, Phường 11
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

| | VND Triệu VND | USD được quy đổi Triệu VND | Tổng Triệu VND |
|---|------------------|----------------------------------|-------------------|
| Tài sản | | | |
| Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác | 22.991 | - | 22.991 |
| Các khoản phải thu từ cho thuê tài chính | 1.484.204 | 20.783 | 1.504.987 |
| Tài sản cố định | 1.428 | - | 1.428 |
| Tài sản Có khác | 15.148 | - | 15.148 |
| Tổng tài sản (1) | 1.523.771 | 20.783 | 1.544.554 |
| Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu | | | |
| Vay các tổ chức tín dụng khác | 745.400 | - | 745.400 |
| Tiền gửi của khách hàng | 152.021 | - | 152.021 |
| Các khoản nợ khác | 67.841 | - | 67.841 |
| Vốn và các quỹ | 557.029 | - | 557.029 |
| Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu (2) | 1.522.291 | - | 1.522.291 |
| Trạng thái tiền tệ nội bảng [(3)=(1)-(2)] | 1.480 | 20.783 | 22.263 |
| Trạng thái tiền tệ ngoại bảng (4) | 2.658 | - | 2.658 |
| Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng [(5)=(3)+(4)] | 4.138 | 20.783 | 24.921 |

(iii) **Phân tích độ nhạy**

Biến động của các rủi ro thị trường có thể làm tăng, giảm phần lợi nhuận mà Công ty đã ghi nhận.

Việc đánh giá độ nhạy của rủi ro thị trường dựa trên sự biến động của các biến số chủ yếu như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá cổ phiếu, trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi. Các yếu tố của độ nhạy là các giả định dựa trên các biến động song song của các biến số chủ yếu nhằm dự báo tác động đến trạng thái tài sản và nợ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

(iv) **Rủi ro giá cổ phiếu**

Hiện tại Công ty không đầu tư vào cổ phiếu nên không chịu rủi ro về giá cổ phiếu.

Công ty TNHH Một Thành viên Cho thuê Tài chính
 Ngân hàng Á Châu
 Tầng 9, Tòa nhà ACB Tower, Số 444A – 446 Cách Mạng
 Tháng Tám, Phường 11
 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày
 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(e) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

| | 31/12/2023 | | 31/12/2022 | |
|--|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | Giá trị ghi sổ Triệu VND | Giá trị hợp lý Triệu VND | Giá trị ghi sổ Triệu VND | Giá trị hợp lý Triệu VND |
| <i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i> | | | | |
| ▪ Tiền gửi tại NHNNVN | 105 | 105 | - | - |
| ▪ Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác | 31.408 | 31.408 | 22.991 | 22.991 |
| ▪ Các khoản phải thu từ cho thuê tài chính – thuần | 1.714.862 | (*) | 1.482.724 | (*) |
| ▪ Tài sản Có khác | 18.566 | (*) | 15.148 | (*) |
| <i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i> | | | | |
| ▪ Vay các tổ chức tín dụng khác | 945.400 | (*) | 745.400 | (*) |
| ▪ Tiền gửi của khách hàng | 191.365 | (*) | 152.021 | (*) |
| ▪ Các khoản nợ khác | 15.014 | (*) | 67.841 | (*) |

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của các công cụ này.

Ngày 23 tháng 2 năm 2024

Người lập



Nguyễn Thị Mỹ Dung
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Hoàng Yến
Kế toán trưởng



Trần Văn Tâm
Tổng Giám đốc

